1. **Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nộp hồ sơ tại Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền.  
Trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân thì gửi văn bản yêu cầu nêu rõ lý do cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ do người yêu cầu xuất trình hoặc nộp.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch căn cứ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch, ghi nội dung bản sao trích lục hộ tịch, báo cáo Thủ trưởng cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch ký cấp bản sao trích lục hộ tịch cho người yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ/gửi văn bản yêu cầu tại Cơ quản quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền; gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký | - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ/gửi văn bản yêu cầu tại Cơ quản quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền; gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : 8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký. | - Người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch; - Người thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch, cơ quan, tổ chức có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ/gửi văn bản yêu cầu tại Cơ quản quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch có thẩm quyền; gửi hồ sơ, văn bản yêu cầu qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch theo mẫu đối với trường hợp người yêu cầu là cá nhân. | 18. TK yeu cau ban sao trich luc ho tich.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Trường hợp pháp luật quy định xuất trình giấy tờ khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ xuất trình, đối chiếu với thông tin trong Tờ khai và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm bản sao giấy tờ đó. Người tiếp nhận có thể chụp 01 bản giấy tờ xuất trình hoặc ghi lại thông tin của giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Bộ Tư pháp, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn., Sở Tư pháp, UBND cấp huyện

Cơ quan có thẩm quyền:

Không có thông tin

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Cấp Bộ: Trụ sở Bộ Tư pháp, 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Bản sao trích lục hộ tịch

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 281/2016/TT-BTC | Thông tư 281/2016/TT-BTC | 14-11-2016 |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI   
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu**:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

**Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục(4)** ............................................................. **cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ...........................Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Số định danh cá nhân (nếu có):

Đã đăng ký tại: (5)

ngày .......... tháng ........... năm .............. số.................. Quyển số: ....................

Số lượng bản sao yêu cầu cấp:.......................bản(6).

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình

*Làm tại*: *, ngày*   *tháng*   *năm*

**Người yêu cầu**

*(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

*.....................................*

***Chú thích:***

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế

Ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004.

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

*Ví dụ:* Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình

(6) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

1. **Thủ tục đăng ký khai sinh**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.  
- Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch cập nhật thông tin khai sinh theo hướng dẫn để lấy Số định danh cá nhân, ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, hướng dẫn người đi đăng ký khai sinh kiểm tra nội dung Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký 01 bản chính Giấy khai sinh cấp cho người được đăng ký khai sinh, số lượng bản sao Giấy khai sinh được cấp theo yêu cầu.

\* Lưu ý:

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em.  
- Trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi thì sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi.  
Sau khi lập biên bản, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 07 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ.  
- Trường hợp trẻ chưa xác định được cha thì họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần ghi về cha của trẻ để trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh.  
- Trường hợp trẻ chưa xác định được mẹ mà khi đăng ký khai sinh cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; phần khai về mẹ của trẻ để trống.  
- Trường hợp trẻ không thuộc diện bị bỏ rơi, chưa xác định được cả cha và mẹ thì thực hiện tương tự như đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, nhưng trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ”.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu. | 1. TK đăng ký khai sinh.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp người đi đăng ký khai sinh cho trẻ em là ông, bà, người thân thích khác thì không phải có văn bản ủy quyền của cha, mẹ trẻ em, nhưng phải thống nhất với cha, mẹ trẻ em về các nội dung khai sinh. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy khai sinh (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được khai sinh:

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ghi bằng chữ:

Giới tính:....................... Dân tộc:..........................Quốc tịch:

Nơi sinh: (4)

Quê quán:

**Họ, chữ đệm, tên người mẹ:**

Năm sinh: (5).......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh: (5)......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *.......................................* |
|  |  |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

*Ví dụ:* - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

* Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

*Ví dụ:* xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng..

**3. Thủ tục đăng ký kết hôn**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký kết hôn nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì người tiếp nhận phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Ngay sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu thấy đủ điều kiện kết hôn theo quy định, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn. Khi trả kết quả đăng ký kết hôn, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn hai bên nam, nữ kiểm tra nội dung trong Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn. Nếu các bên thấy nội dung đúng, phù hợp với hồ sơ đăng ký kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ và hướng dẫn các bên cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ, mỗi bên được nhận 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; số lượng bản sao Trích lục kết hôn được cấp theo yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc. | Lệ phí : Miễn lệ phí. | Người có yêu cầu đăng ký kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn. | 2. TK đăng ký kết hôn.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp trong trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn không đăng ký thường trú tại địa bàn xã, phường, thị trấn làm thủ tục đăng ký kết hôn (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trích lục ghi chú ly hôn đối với trường hợp công dân Việt Nam đăng ký thường trú tại địa bàn xã làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được giải quyết việc ly hôn, hủy việc kết hôn trước đó tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 52/2014/QH13 | Luật 52/2014/QH13 Hôn nhân và gia đình | 19-06-2014 | Quốc Hội |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13-Hộ tịch | 20-11-2014 |  |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | 15-11-2015 |  |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Các bên không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. \* Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

(1)

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi: (3)................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin** | **Bên nữ** | Bên nam |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nơi cư trú (4) |  |  |
| Giấy tờ tùy thân (5) |  |  |
| Kết hôn lần thứ mấy |  |  |

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Đề nghị Quý cơ quan đăng ký.

...........................………., ngày ..........…tháng ............ năm............…

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Bên nữ**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  .................................... | | **Bên nam**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  .................................... |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | |  | | |

***Chú thích:***

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(5) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/1982).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**4. Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy/phiếu tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ hồ sơ, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con và Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con, cùng các bên ký vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con cho người yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | Người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con (một hoặc hai bên) nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu. | 6. TK đăng ký nhận CMC.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trường hợp không có văn bản nêu trên thì phải có văn bản cam đoan của các bên nhận cha, mẹ, con về mối quan hệ cha, mẹ, con và có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận hoặc người được nhận là cha, mẹ, con.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 52/2014/QH13 | Luật 52/2014/QH13 | 19-06-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp. - Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON**

Kính gửi: ([[1]](#footnote-1)).......................................................................................................................................

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: (4)

**Đề nghịcơ quan công nhận người có tên dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....................................Dân tộc:...........................................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

**Là**...................................... **của người có tên dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....................................Dân tộc:...........................................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Tôi cam đoan việc nhận.......................................nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại..........................................ngày ............tháng............năm............*

##### Người yêu cầu

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha(5)**

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con;

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Chỉ khai trong trường hợp người khai không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

(5) Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**5. Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ hồ sơ, nếu thấy việc nhận cha, mẹ, con là đúng và không có tranh chấp; thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung nhận cha, mẹ, con vào Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con; ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, cập nhật thông tin khai sinh theo hướng dẫn để lấy Số định danh cá nhân, hướng dẫn người yêu cầu đăng ký hộ tịch kiểm tra nội dung giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch, cùng người đi đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con ký tên vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh và Trích lục nhận cha, mẹ, con cho người yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | Người yêu cầu đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con (một hoặc hai bên) nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai sinh, Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu. | 1. TK đăng ký khai sinh.doc 6. TK đăng ký nhận CMC.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Văn bản của cơ quan y tế, cơ quan giám định hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận quan hệ cha con, quan hệ mẹ con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trường hợp không có văn bản nêu trên thì các bên nhận cha, mẹ, con lập văn bản cam đoan về mối quan hệ cha, mẹ, con, có ít nhất hai người làm chứng về mối quan hệ cha, mẹ, con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh, nhận cha, mẹ, con (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy khai sinh, Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 52/2014/QH13 | Luật 52/2014/QH13 | 19-06-2014 | Quốc Hội |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Bên nhận và bên được nhận là cha, mẹ, con đều còn sống; - Việc nhận cha, mẹ, con không có tranh chấp. - Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, sinh con, người con sống cùng với người cha, khi người cha làm thủ tục nhận con mà không liên hệ được với người mẹ thì không cần có ý kiến của người mẹ trong Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được khai sinh:

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ghi bằng chữ:

Giới tính:....................... Dân tộc:..........................Quốc tịch:

Nơi sinh: (4)

Quê quán:

**Họ, chữ đệm, tên người mẹ:**

Năm sinh: (5).......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh: (5)......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *.......................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

*Ví dụ:* - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

* Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

*Ví dụ:* xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng..

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ NHẬN CHA, MẸ, CON**

Kính gửi: ([[2]](#footnote-2)).......................................................................................................................................

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người nhận cha/mẹ/con: (4)

**Đề nghịcơ quan công nhận người có tên dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....................................Dân tộc:...........................................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

**Là**...................................... **của người có tên dưới đây:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....................................Dân tộc:...........................................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Tôi cam đoan việc nhận.......................................nói trên là đúng sự thật, tự nguyện, không có tranh chấp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại..........................................ngày ............tháng............năm............*

##### Người yêu cầu

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**Ý kiến của người hiện đang là mẹ hoặc cha(5)**

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký nhận cha, mẹ, con;

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Chỉ khai trong trường hợp người khai không đồng thời là người nhận cha/mẹ/con.

(5) Chỉ khai trong trường hợp cha hoặc mẹ nhận con chưa thành niên hoặc người đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự, ghi ý kiến của người cha nếu mẹ là người yêu cầu, ý kiến người mẹ nếu cha là người yêu cầu (trừ trường hợp người đó đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự).

**6. Thủ tục đăng ký khai tử**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký khai tử nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, nếu thấy thông tin khai tử đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì ký Trích lục khai tử cấp cho người có yêu cầu; công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký khai tử, hướng dẫn người yêu cầu đăng ký hộ tịch kiểm tra nội dung Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử, cùng người đi đăng ký khai tử ký tên vào Sổ.

\* Lưu ý:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký khai tử có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký khai tử có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký khai tử có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu. | 3. TK đăng ký khai tử.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. Trường hợp người có trách nhiệm đăng ký khai tử ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai tử mà người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 1 |
| - Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử;

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục khai tử (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu**:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người đã chết:

**Đề nghị cơ quan** **đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú cuối cùng: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/ Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: (4) do

cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại: , ngày tháng*   *năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Người yêu cầu**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) | |
| Đề nghị cấp bản sao(5): Có , Không  Số lượng:…….bản | | *..........................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai tử.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Nếu ghi theo Giấy báo tử, thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay thế Giấy báo tử”; nếu ghi theo số Giấy tờ thay thế Giấy báo tử thì ghi rõ tên, số giấy tờ và gạch cụm từ “Giấy báo tử”; trường hợp không có thì mục này để trống

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**7. Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động**

Trình tự thực hiện:

- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký khai sinh lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai sinh, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.  
Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.  
- Sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy khai sinh và ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai sinh.  
- Công chức tư pháp - hộ tịch đem theo Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh, ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ đăng ký khai sinh; tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai sinh ghi rõ “Đăng ký lưu động”.  
- Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Tờ khai. Khi trả kết quả đăng ký hộ tịch, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung Giấy khai sinh cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Sổ đăng ký khai sinh.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 5 Ngày làm việc | Lệ phí : - Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | Thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu. | 1. TK đăng ký khai sinh.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người yêu cầu đăng ký khai sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để chứng minh thẩm quyền đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy khai sinh (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP - Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13-Hộ tịch | 20-11-2014 |  |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con; cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không có điều kiện đi đăng ký khai sinh cho trẻ.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được khai sinh:

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ghi bằng chữ:

Giới tính:....................... Dân tộc:..........................Quốc tịch:

Nơi sinh: (4)

Quê quán:

**Họ, chữ đệm, tên người mẹ:**

Năm sinh: (5).......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh: (5)......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *.......................................* |
|  |  |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

*Ví dụ:* - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

* Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

*Ví dụ:* xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng..

**8. Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động**

Trình tự thực hiện:

- Công chức tư pháp - hộ tịch cấp xã được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các loại mẫu Tờ khai, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động.  
- Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, xác minh về điều kiện kết hôn của các bên; hướng dẫn người dân điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký kết hôn. Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.  
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì ký cấp 02 Giấy chứng nhận kết hôn cho người có yêu cầu. Công chức tư pháp – hộ tịch ghi nội dung đăng ký vào Sổ đăng ký kết hôn, hướng dẫn các bên kiểm tra nội dung Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, cùng các bên nam, nữ ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định; tiến hành trao Giấy chứng nhận kết hôn cho các bên tại địa điểm đăng ký lưu động. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký kết hôn ghi rõ “Đăng ký lưu động”.  
- Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Tờ khai. Khi trao Giấy chứng nhận kết hôn, công chức tư pháp - hộ tịch phải đọc lại nội dung Giấy chứng nhận kết hôn cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Sổ đăng ký kết hôn.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 5 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. |  |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu. | 2. TK đăng ký kết hôn.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Hai bên nam, nữ có thể khai chung vào một Tờ khai đăng ký kết hôn. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký kết hôn. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Tại địa điểm đăng ký kết hôn lưu động

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 52/2014/QH13 | Luật 52/2014/QH13 | 19-06-2014 | Quốc Hội |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Hai bên nam, nữ cùng thường trú trên địa bàn cấp xã mà một hoặc cả hai bên nam, nữ là người khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký kết hôn được. - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: + Kết hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng; \* Nhà nước không

(2)

(1)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi: (3)................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin** | **Bên nữ** | Bên nam |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Dân tộc |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Nơi cư trú (4) |  |  |
| Giấy tờ tùy thân (5) |  |  |
| Kết hôn lần thứ mấy |  |  |

Chúng tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi là tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Đề nghị Quý cơ quan đăng ký.

...........................………., ngày ..........…tháng ............ năm............…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Bên nữ**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  .................................... | **Bên nam**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)  .................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản |  |

***Chú thích:***

(1) (2) Trường hợp làm thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, thì phải dán ảnh của hai bên nam, nữ.

(3) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký kết hôn.

(4) Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(5) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/1982).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**9. Thủ tục đăng ký khai tử lưu động**

Trình tự thực hiện:

- Công chức tư pháp - hộ tịch được giao nhiệm vụ đăng ký khai tử lưu động có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ mẫu Tờ khai đăng ký khai tử, giấy tờ hộ tịch và điều kiện cần thiết để thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.  
- Tại địa điểm đăng ký khai tử lưu động, công chức tư pháp - hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai đăng ký khai tử, kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai tử; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ.  
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì ký Trích lục khai tử và ghi nội dung vào Sổ đăng ký khai tử.  
- Công chức tư pháp - hộ tịch đem theo Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu động; hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử, ký, ghi rõ họ, tên trong Sổ đăng ký khai tử; tại mục “Ghi chú” trong Sổ đăng ký khai tử ghi rõ “Đăng ký lưu động”.  
- Trường hợp người yêu cầu không biết chữ thì công chức tư pháp - hộ tịch trực tiếp ghi Tờ khai, sau đó đọc cho người yêu cầu nghe lại nội dung và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Tờ khai. Khi trả kết quả, công chức tư pháp - hộ tịch đọc lại nội dung Trích lục khai tử cho người yêu cầu nghe và hướng dẫn người đó điểm chỉ vào Sổ đăng ký khai tử.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 5 Ngày làm việc | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. |  |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu | 3. TK đăng ký khai tử.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai tử. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú cuối cùng của người chết để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết thì xuất trình giấy tờ chứng minh nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể của người chết. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Thực hiện đăng ký lưu động tại nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động, bảo đảm thuận lợi cho người dân.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục khai tử (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Người chết không có người thân thích, người thân thích không sống cùng địa bàn xã hoặc là người già, yếu, khuyết tật không đi đăng ký khai tử được.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI TỬ**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu**:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người đã chết:

**Đề nghị cơ quan** **đăng ký khai tử cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú cuối cùng: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:

Số Giấy báo tử/ Giấy tờ thay thế Giấy báo tử: (4) do

cấp ngày tháng năm

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại: , ngày tháng*   *năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Người yêu cầu**  (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) | |
| Đề nghị cấp bản sao(5): Có , Không  Số lượng:…….bản | | *..........................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai tử.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Nếu ghi theo Giấy báo tử, thì gạch cụm từ “Giấy tờ thay thế Giấy báo tử”; nếu ghi theo số Giấy tờ thay thế Giấy báo tử thì ghi rõ tên, số giấy tờ và gạch cụm từ “Giấy báo tử”; trường hợp không có thì mục này để trống

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**10. Thủ tục đăng ký giám hộ**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký giám hộ nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ hồ sơ, nếu thấy yêu cầu đăng ký giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký giám hộ, hướng dẫn người yêu cầu đăng ký hộ tịch kiểm tra nội dung Trích lục đăng ký giám hộ và Sổ đăng ký giám hộ, cùng người đi đăng ký giám hộ ký vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Trích lục đăng ký giám hộ cho người yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 3 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. | - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | 03 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. | - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 03 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. | - Người có yêu cầu đăng ký giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu. | 4. TK đăng ký giám hộ.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cử. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên. Trường hợp có nhiều người cùng đủ điều kiện làm giám hộ đương nhiên thì nộp thêm văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký giám hộ. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký giám hộ (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục đăng ký giám hộ (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 91/2015/QH13 | Bộ luật dân sự | 24-11-2015 | Quốc Hội |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ GIÁM HỘ**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu**: .................................................................................

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

**Đề nghị cơ quan** **đăng ký việc giám hộ giữa những người có tên dưới đây:**

**Người giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

**Người được giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân: (3)

**Lý do đăng ký giám hộ:**

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại: , ngày tháng*   *năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  | | --- | | Đề nghị cấp bản sao(4): Có , Không  Số lượng:…….bản | | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  ............................................. |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

# 11. Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ hồ sơ, nếu thấy yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ đủ điều kiện theo quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ và Sổ đăng ký chấm dứt giám hộ, cùng người đi đăng ký chấm dứt giám hộ ký vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ cho người yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 02 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.) | - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | 02 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. | - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 02 Ngày làm việc | Lệ phí : Miễn lệ phí. | - Người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ; - Người thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu. | 5. TK đăng ký chấm dứt giám hộ.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật dân sự. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký chấm dứt giám hộ. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 91/2015/QH13 | Bộ luật 91/2015/QH13 | 24-11-2015 |  |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT GIÁM HỘ

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

**Đề nghị cơ quan đăng ký chấm dứt việc giám hộ giữa:**

**Người giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: .

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú(2):

Giấy tờ tùy thân: (3)

...............................................................................................................................

**Người được giám hộ:**

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ..............................Dân tộc:................................... Quốc tịch:

Nơi cư trú(2):

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân (3):

Đã đăng ký giám hộ tại (4)

ngày ....... tháng ......... năm ......... số.....................................quyển số:

**Lý do chấm dứt việc giám hộ:**

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại:*  *, ngày*   *tháng*   *năm* ....

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(5): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký chấm dứt giám hộ.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký giám hộ trước đây (số, ngày tháng năm đăng ký).

(5) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**12. Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì ký Trích lục hộ tịch tương ứng (Trích lục thay đổi hộ tịch/Trích lục cải chính hộ tịch/Trích lục bổ sung thông tin hộ tịch) cấp cho người yêu cầu; công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch vào Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch, cùng người yêu cầu ký vào Sổ.  
Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch liên quan đến Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch vào Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn; bổ sung thông tin hộ tịch vào mục tương ứng và đóng dấu vào nội dung bổ sung.  
Trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch không phải tại nơi đăng ký hộ tịch trước đây thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Ủy ban nhân dân nơi đăng ký hộ tịch trước đây để ghi vào Sổ hộ tịch.  
Trường hợp nơi đăng ký hộ tịch trước đây là Cơ quan đại diện thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao trích lục hộ tịch đến Bộ Ngoại giao để chuyển đến Cơ quan đại diện ghi vào Sổ hộ tịch.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; - Người thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; - Người thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện; - Người thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu. | 17. TK thay doi, cai chinh, bo sung ho tich, xa dinh lai dan toc.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục thay đổi hộ tịch/Trích lục cải chính hộ tịch/Trích lục bổ sung hộ tịch

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 91/2015/QH13 | Bộ luật Dân sự | 24-11-2015 | Quốc Hội |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

+ Việc thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi phải có sự đồng ý của cha, mẹ người đó và được thể hiện rõ trong Tờ khai; đối với người từ đủ 9 tuổi trở lên thì còn phải có sự đồng ý của người đó. + Việc cải chính hộ tịch chỉ được giải quyết sau khi có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký hộ tịch; không cải chính nội dung trên giấy tờ hộ tịch đã được cấp hợp lệ nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác. + Giấy tờ hộ tịch quy định đã cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch trước ngày 01/01/2016 (ngày Luật Hộ tịch có hiệu lực) có giá trị sử dụng mà không phải bổ sung thông tin hộ tịch còn thiếu so với biểu mẫu hộ tịch hiện hành. + Giấy tờ hộ tịch được cấp hợp lệ kể từ ngày 01/01/2016 mà thông tin hộ tịch còn thiếu thì được bổ sung, nếu có giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hợp lệ chứng minh. Yêu cầu ghi bổ sung quốc tịch Việt Nam chỉ thực hiện đối với giấy tờ hộ tịch được cấp kể từ ngày 01/01/2016, sau khi đã xác định người yêu cầu đang có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH,   
BỔ SUNG THÔNG TIN HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, xác định lại dân tộc, bổ sung thông tin hộ tịch:

**Đề nghị cơ quan đăng ký việc** (4)

**cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:................Dân tộc:.......................................................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Đã đăng ký (5)  ..............................................................................................................................

tại...................................................................................................................................................

ngày......... tháng ......... năm ........... số: ................ Quyển số:...............................

**Nội dung**: (6)

**Lý do**:

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị cấp bản sao(7): Có , Không ; số lượng:...........bản(7).

*Làm tại:*  *, ngày*   *tháng*   *năm*

**Người yêu cầu**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

Ý kiến của cha và mẹ (nếu thay đổi họ, chữ đệm, tên cho người dưới 18 tuổi)

...................................................................................

...................................................................................

.................................. ..................................

Ý kiến của người được thay đổi họ, chữ đệm, tên (nếu người đó từ đủ 9 tuổi trở lên); xác định lại dân tộc (nếu người đó từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi)

....................................................................................

..................................

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Ghi rõ nội dung loại việc đề nghị đăng ký.

*Ví dụ:* thay đổi họ, tên/ cải chính phần khai về chữ đệm của người mẹ/ xác định lại dân tộc/ bổ sung phần khai về năm sinh của người cha.

(5) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây có liên quan.

*Ví dụ*: Đã đăng ký khai sinh tại UBND xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội ngày 05 tháng 01 năm 2015, số 10 quyển số 01/2015.

(6) Ghi rõ nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc

Ví dụ: - Được thay đổi họ từ Nguyễn Văn Nam thành Vũ Văn Nam.

- Được cải chính năm sinh từ 1975 thành 1976

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**13. Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì người tiếp nhận phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu.  
- Trường hợp người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau thì người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người yêu cầu không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó.  
Sau khi ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu, tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về tình trạng hôn nhân trong thời gian thường trú tại địa phương của người có yêu cầu.  
Nếu kết quả kiểm tra, xác minh cho thấy người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời thì cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích kết hôn cho người yêu cầu.  
- Trường hợp người yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn mà không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đây, thì người yêu cầu phải trình bày rõ lý do không nộp lại được Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản trao đổi với nơi dự định đăng ký kết hôn trước đây để xác minh. Trường hợp không xác minh được hoặc không nhận được kết quả xác minh thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho phép người yêu cầu lập văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân.  
- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn thì trong Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi rõ mục đích sử dụng, số lượng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp theo yêu cầu.  
- Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với người cùng giới tính hoặc kết hôn với người nước ngoài tại Cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Người thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Người thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; - Người thực hiện yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân theo mẫu. | 19. TK cấp Giấy XNTTHN.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ hoặc chồng nhưng đã ly hôn hoặc người vợ/chồng đã chết thì phải xuất trình (bản chính) hoặc nộp bản sao giấy tờ hợp lệ để chứng minh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Công dân Việt Nam đã ly hôn, hủy việc kết hôn ở nước ngoài thì phải nộp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Trường hợp cá nhân yêu cầu cấp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác hoặc do Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã hết thời hạn sử dụng theo quy định thì phải nộp lại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã được cấp trước đó. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú của người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để xác định thẩm quyền (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 52/2014/QH13 | Luật 52/2014/QH13 | 19-06-2014 | Quốc Hội |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Trường hợp yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm mục đích kết hôn thì người yêu cầu phải đáp ứng đủ điều kiện kết hôn: - Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên; - Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; - Không bị mất năng lực hành vi dân sự; - Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn, gồm: + Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo; + Tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; + Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn với người đang có chồng, có vợ; + Kết hôn giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng. - Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính. Trường hợp yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích khác, không phải để đăng ký kết hôn, thì người yêu cầu không phải đáp ứng điều kiện kết hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Kính gửi: (1)..............................................................................................

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:

**Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: …………....... Dân tộc: ………………….......Quốc tịch:

Nơi cư trú:(2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Tình trạng hôn nhân: (4)

Mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: (5)

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Làm tại:.............................,ngày .......... tháng ......... năm ..............*  **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  ................................. |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan cấp giấy XNTTHN.

(2) Trường hợp công dân Việt Nam cư trú trong nước thì ghi theo nơi đăng ký thường trú, nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú.

Trường hợp công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì ghi theo nơi thường trú hoặc tạm trú ở nước ngoài.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Đối với công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thì ghi rõ tình trạng hôn nhân hiện tại: đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn với ai; hoặc đã đăng ký kết hôn/đã có vợ hoặc chồng, nhưng đã ly hôn hoặc người kia đã chết.

Đối với người đang có vợ/chồng yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian trước khi đăng ký kết hôn thì ghi: Trong thời gian từ ngày…tháng….năm….đến ngày….tháng…..năm….chưa đăng ký kết hôn với ai; hiện tại đang có vợ/chồng là bà/ông… (Giấy chứng nhận kết hôn số …, do … cấp ngày…tháng…năm).

Đối với công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh; người đã qua nhiều nơi thường trú khác nhau đề nghị xác nhận tình trạng hôn nhân tại nơi thường trú trước đây thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian đã thường trú tại nơi đó (Ví dụ: Không đăng ký kết hôn với ai trong thời gian cư trú tại ............................................, từ ngày...... tháng ..... năm ......... đến ngày ........ tháng ....... năm ........).

Đối với công dân Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài, có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân trong thời gian cư trú ở nước ngoài, thì khai về tình trạng hôn nhân của mình trong thời gian cư trú tại nước đó (Ví dụ: trong thời gian cư trú tại CHLB Đức từ ngày ....... tháng ..... năm ....... đến ngày ........ tháng ....... năm ........ không đăng ký kết hôn với ai tại Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức).

(5) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn, thì phải ghi rõ kết hôn với ai (họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; giấy tờ tùy thân; nơi cư trú); nơi dự định đăng ký kết hôn.

**14. Thủ tục đăng ký lại khai sinh**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ.  
Trường hợp việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đăng ký khai sinh trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch.  
Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký khai sinh trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch.  
Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký lại khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký lại khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.  
Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký khai sinh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy việc đăng ký lại khai sinh chính xác, đúng quy định pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký lại khai sinh ký vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân ký cấp Giấy khai sinh cho người có yêu cầu.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh; - Người thực hiện đăng ký lại khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký trực tuyến. |
| Trực tuyến | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh; - Người thực hiện đăng ký lại khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai sinh; - Người thực hiện đăng ký lại khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký lại khai sinh theo mẫu, trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã nộp đủ các giấy tờ hiện có. | 14. TK đăng ký lại khai sinh.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); Bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| + Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký lại khai sinh (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban nhân dân cấp xã

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy khai sinh (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh đều bị mất. - Người có yêu cầu còn sống tại thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI SINH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được khai sinh:

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký lại khai sinh cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: .........................................ghi bằng chữ:

Giới tính:....................... Dân tộc: ...........Quốc tịch:

Nơi sinh:(4)

Quê quán:

**Họ, chữ đệm, tên người mẹ:**

Năm sinh: (5).................................Dân tộc:.................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh: (5).................................Dân tộc:.................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Đã đăng ký khai sinh tại: (6)

Giấy khai sinh số: (7)………………………….., quyển số (7)………. ngày …… / ………./…………...

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đủ các giấy tờ hiệncó. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* |

|  |
| --- |
| Đề nghị cấp bản sao(8): Có , Không  Số lượng:…….bản |

……………………….

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai sinh

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và địa chỉ cơ sở y tế đó; trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh) nơi sinh ra; trường hợp không rõ nơi sinh đầy đủ thì chỉ ghi địa danh hành chính cấp tỉnh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Ghi tên cơ quan đã đăng ký khai sinh trước đây.

(7) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(8) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**15. Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú trước đây của người yêu cầu đăng ký khai sinh để kiểm tra, xác minh về việc đăng ký khai sinh và việc lưu giữ sổ hộ tịch.  
Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh cư trú trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc người yêu cầu đã được đăng ký khai sinh hay chưa được đăng ký khai sinh; việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được sổ hộ tịch.  
Trường hợp giấy tờ của người yêu cầu đăng ký khai sinh không có thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con thì cơ quan đăng ký hộ tịch có văn bản đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền xác minh. Trường hợp cơ quan công an trả lời không có thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch cho người yêu cầu đăng ký khai sinh lập văn bản cam đoan về thông tin của cha, mẹ và xác định nội dung khai sinh theo văn bản cam đoan.  
Sau khi nhận được kết quả xác minh hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đăng ký khai sinh là đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký trực tuyến. |
| Trực tuyến | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : - Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký khai sinh trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký khai sinh; - Người thực hiện việc đăng ký khai sinh có thể trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua hệ thống đăng ký trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu. | 1. TK đăng ký khai sinh.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản cam đoan của người yêu cầu về việc chưa được đăng ký khai sinh. | 20. Mẫu giấy cam đoan.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú, giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, Hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; giấy tờ khác có thông tin về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| Người yêu cầu đăng ký khai sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ bản sao các giấy tờ nêu trên (nếu có) và phải cam đoan đã nộp đủ các giấy tờ mình có; chịu trách nhiệm, hệ quả của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về việc những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh (giấy tờ tùy thân). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| - Trường hợp cho phép người yêu cầu đăng ký hộ tịch lập văn bản cam đoan về nội dung yêu cầu đăng ký hộ tịch thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người yêu cầu cư trú.

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy khai sinh (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Công dân Việt Nam cư trú trong nước, sinh trước ngày 01/01/2016, chưa được đăng ký khai sinh, có hồ sơ, giấy tờ cá nhân (bản chính hoặc bản sao được chứng thực hợp lệ) như: giấy tờ tùy thân; Sổ hộ khẩu; Sổ tạm trú; giấy tờ khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người được khai sinh:

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký khai sinh cho người dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ghi bằng chữ:

Giới tính:....................... Dân tộc:..........................Quốc tịch:

Nơi sinh: (4)

Quê quán:

**Họ, chữ đệm, tên người mẹ:**

Năm sinh: (5).......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

**Họ, chữ đệm, tên người cha:**

Năm sinh: (5)......................................................Dân tộc:...................Quốc tịch:

Nơi cư trú: (2)

Tôi cam đoan nội dung đề nghị đăng ký khai sinh trên đây là đúng sự thật, được sự thỏa thuận nhất trí của các bên liên quan theo quy định pháp luật.

Tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *.......................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký khai sinh.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký, ghi rõ số, cơ quan cấp, ngày cấp hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (*Ví dụ:* Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014).

(4) Trường hợp sinh tại cơ sở y tế thì ghi rõ tên cơ sở y tế và và địa chỉ trụ sở cơ sở y tế đó.

*Ví dụ:* - Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, đường La Thành, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội

* Trạm y tế xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp sinh ra ngoài cơ sở y tế thì ghi địa danh của 03 cấp hành chính (xã, huyện, tỉnh), nơi sinh ra.

*Ví dụ:* xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

(5) Ghi đầy đủ ngày, tháng sinh của cha, mẹ (nếu có).

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng..

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN CAM ĐOAN**

Kính gửi (1): ……………………………………………………….

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú (2):

Giấy tờ tùy thân (3):

Tôi xin cam đoan nội dung sau đây:

Để thực hiện thủ tục:

Tại (1):.

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã cam đoan nêu trên.

*Làm tại* *, ngày*   *tháng*   *năm*

**Người cam đoan**

*(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

***Chú thích:***

(1) Ghi tên cơ quan giải quyết việc đăng ký hộ tịch; nếu là Ủy ban nhân dân cấp xã thì ghi đủ 03 cấp hành chính (tỉnh, huyện, xã); nếu là Cơ quan đại diện thì ghi rõ tên cơ quan đại diện và tên nước có trụ sở Cơ quan đại diện.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang nơi sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 0010891235 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

**16. Thủ tục đăng ký lại kết hôn**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì người tiếp nhận phải lập văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ.  
Trường hợp việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đã đăng ký kết hôn trước đây thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn trước đây kiểm tra, xác minh về việc lưu giữ sổ hộ tịch tại địa phương.  
Sau khi nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký kết hôn trước đây tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản về việc còn lưu giữ hoặc không lưu giữ được Sổ hộ tịch.  
- Sau khi nhận được kết quả xác minh về việc không còn lưu giữ được Sổ hộ tịch tại nơi đã đăng ký kết hôn hoặc sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời, nếu thấy hồ sơ đầy đủ, chính xác, đúng quy định pháp luật thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi việc kết hôn vào Sổ đăng ký kết hôn, hướng dẫn các bên kiểm tra nội dung Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, cùng hai bên nam, nữ ký tên vào Sổ và hướng dẫn các bên cùng ký vào Giấy chứng nhận kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên nam, nữ.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | Người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn trực tiếp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền (bên nam hoặc bên nữ có thể trực tiếp nộp hồ sơ mà không cần có văn bản ủy quyền của bên còn lại). |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký lại kết hôn theo mẫu. | 15. TK đăng ký lại kết hôn.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây. Nếu không có bản sao Giấy chứng nhận kết hôn thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại kết hôn. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền trong trường hợp việc đăng ký lại kết hôn thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi đăng ký kết hôn trước đây (trong giai đoạn chuyển tiếp). |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 60/2014/QH13 | Luật 60/2014/QH13 | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| 123/2015/NĐ-CP | Nghị định 123/2015/NĐ-CP | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Việc kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký kết hôn và bản chính Giấy chứng nhận kết hôn đều bị mất; - Người yêu cầu đăng ký lại kết hôn còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại kết hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KẾT HÔN**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:**

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

.............................................................................................................................................

**Đề nghị** **cơ quan đăng ký lại kết hôn theo nội dung dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên của vợ:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ......................................................Quốc tịch:

Nơi cư trú:(2)

Giấy tờ tùy thân:(3)

............................................................................................................................................

**Họ, chữ đệm, tên của chồng:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: ......................................................Quốc tịch:

Nơi cư trú:(2)

Giấy tờ tùy thân:(3)

............................................................................................................................................

Đã đăng ký kết hôn tại: (4)

.........................................ngày ………. tháng ……….năm

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: (5)…………………………., Quyển số: (5)

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại:* …………………….*, ngày* ........... *tháng* ......... *năm ..............*

|  |  |
| --- | --- |
| Đề nghị cấp bản sao(6): Có , Không  Số lượng:…….bản | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*  *....................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại kết hôn.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký kết hôn trước đây.

(5) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(6) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**17. Đăng ký lại khai tử**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền.  
- Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.  
- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả; nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, tên của người tiếp nhận.  
- Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu thấy thông tin khai tử đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi vào Sổ đăng ký khai tử, hướng dẫn người yêu cầu kiểm tra nội dung Trích lục khai tử và Sổ đăng ký khai tử, cùng người đi đăng ký khai tử ký vào Sổ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký cấp Trích lục khai tử cho người đi đăng ký khai tử.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký lại khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Trực tuyến | 05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký lại khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |
| Dịch vụ bưu chính | 05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc. | Lệ phí : Theo mức thu lệ phí do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. | - Người có yêu cầu đăng ký lại khai tử trực tiếp thực hiện hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện việc đăng ký lại khai tử; - Người thực hiện việc đăng ký lại khai tử có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc gửi hồ sơ theo hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến. |

Thành phần hồ sơ:

\* Giấy tờ phải nộp:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Tờ khai đăng ký lại khai tử theo mẫu. | 16. TK đăng ký lại khai tử.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ. Nếu không có bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ thì nộp bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai tử. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

\* Giấy tờ phải xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ phải xuất trình nêu trên. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

\* Lưu ý: Đối với giấy tờ nộp, xuất trình:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| + Trường hợp người yêu cầu nộp giấy tờ là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu xuất trình bản chính; nếu người yêu cầu chỉ nộp bản chụp và xuất trình bản chính thì người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký vào bản chụp xác nhận về việc đã đối chiếu nội dung giấy tờ đó, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Không có thông tin

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Trích lục khai tử (bản chính).

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| Luật 60/2014/QH13 | Luật Hộ tịch | 20-11-2014 | Quốc Hội |
| Nghị định123/2015/NĐ-CP | Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch | 15-11-2015 | Chính phủ |
| 04/2020/TT-BTP | Thông tư 04/2020/TT-BTP | 28-05-2020 |  |
| 85/2019/TT-BTC | Thông tư 85/2019/TT-BTC | 29-11-2019 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Việc khai tử đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ đăng ký khai tử và bản chính Giấy chứng tử đều bị mất.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI KHAI TỬ**

Kính gửi: (1)

**Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu**:

Nơi cư trú: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Quan hệ với người đã chết:

**Đề nghị cơ quan** **đăng ký lại khai tử cho người có tên dưới đây:**

**Họ, chữ đệm, tên:**

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:....................... Dân tộc: ...........Quốc tịch:

Nơi cư trú cuối cùng: (2)

Giấy tờ tùy thân: (3)

Đã chết vào lúc: giờ phút, ngày tháng năm

Nơi chết:

Nguyên nhân chết:(4)

Đã đăng ký khai tử tại: (5) …………………………………..ngày ………. tháng ……….năm

Giấy chứng tử/Trích lục khai tử số: (6)………………………………, quyển số: (6)……………

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

*Làm tại: , ngày tháng*   *năm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Người yêu cầu**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* | |
| Đề nghị cấp bản sao(7): Có , Không  Số lượng:…….bản | | *..........................................* |

***Chú thích:***

(1) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký lại khai tử.

(2) Ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống.

(3) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ hợp lệ thay thế (ví dụ: Chứng minh nhân dân số 001089123 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2004).

(4) Trường hợp chưa xác định được thì để trống.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký khai tử trước đây.

(6) Chỉ khai trong trường hợp biết rõ.

(7) Đề nghị đánh dấu X vào ô nếu có yêu cầu cấp bản sao và ghi rõ số lượng.

**18. Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu cấp *bản sao từ sổ gốc phải xuất trình các giấy tờ phục vụ cho yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc*. Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện *thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy tờ theo quy định.*  + Cơ quan, tổ chức căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao cho người yêu cầu; nội dung bản sao phải ghi theo đúng nội dung đã ghi trong sổ gốc.  + Trong trường hợp không tìm thấy sổ gốc hoặc trong sổ gốc không có thông tin về nội dung yêu cầu cấp bản sao thì cơ quan, tổ chức đang lưu giữ sổ gốc có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho người yêu cầu.  + Người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ hoặc qua bưu điện (nếu nộp qua bưu điện). |
| **Cách thức thực hiện** | Lựa chọn một trong các cách thức:  - Nộp hồ sơ trực tiếp;  - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |
| **Thành phần hồ sơ** | + Trường hợp nộp trực tiếp thì xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.  + Trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc gửi qua bưu điện *thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng, phong bì dán tem ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao*.  + Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, con; vợ, chồng; anh, chị, em ruột; người thừa kế *khác* của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh quan hệ với người được cấp bản chính. |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595286) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595286) | | Phí | Không | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc được gửi qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện đến. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Bản sao được cấp từ sổ gốc. |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Phải có sổ gốc |

**19. Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực phải xuất trình bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực.  *+ Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.*  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra bản chính, *đối chiếu với bản sao,* nếu nội dung bản sao đúng với bản chính, bản chính giấy tờ, văn bản *không thuộc các trường hợp bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao* thì thực hiện chứng thực như sau:  *\* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính theo mẫu quy định;*  *\* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.*  *Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối,* nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.  *Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực.*  + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ. |
| **Cách thức thực hiện** | Lựa chọn một trong các cách thức:  - Nộp hồ sơ trực tiếp;  - Nộp hồ sơ trực tuyến qua địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn |
| **Thành phần hồ sơ** | Bản chính giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao và bản sao cần chứng thực. *Trường hợp người yêu cầu chứng thực chỉ xuất trình bản chính thì cơ quan, tổ chức tiến hành chụp từ bản chính để thực hiện chứng thực, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức không có phương tiện để chụp.* |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595287) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595287) | | Tại Phòng Tư pháp: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.*Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính* | 2.000 đồng/trang | | Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản | 10 USD/bản | | *Tại Tổ chức hành nghề công chứng: 02 nghìn đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ hai; từ trang thứ ba trở lên thu 01 nghìn đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200 nghìn đồng/bản.* | 2.000 đồng/trang | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu mà cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực không thể đáp ứng được thời hạn quy định nêu trên thì thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 (hai) ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo quy định thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện có thẩm quyền |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Bản sao được chứng thực từ bản chính. |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 257/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119201)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170)           [Thông tư 264/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119137) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Bản chính giấy tờ, văn bản cần chứng thực.  Bản chính giấy tờ, văn bản không được dùng làm cơ sở để chứng thực bản sao:  + Bản chính bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.  + Bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung.  + Bản chính đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp.  + Bản chính có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân.  + Bản chính do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận chưa được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.  + Giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập nhưng không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. |

**20. Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | ++ Người yêu cầu chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được phải xuất trình các giấy tờ phục vụ việc chứng thực chữ ký.  + Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thông thạo tiếng Việt thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, thông thạo tiếng Việt và ngôn ngữ mà người yêu cầu chứng thực sử dụng. Người phiên dịch do người yêu cầu chứng thực mời hoặc do cơ quan thực hiện chứng thực chỉ định. Thù lao phiên dịch do người yêu cầu chứng thực trả.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ yêu cầu chứng thực, nếu thấy đủ giấy tờ theo quy định, tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình và việc chứng thực không thuộc các trường hợp không được chứng thực chữ ký thì yêu cầu người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ trước mặt và thực hiện chứng thực như sau:  \* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định;  \* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.  Đối với giấy tờ, văn bản có từ (02) hai trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu giấy tờ, văn bản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.  + Đối với trường hợp chứng thực chữ ký/điểm chỉ/không thể ký, không thể điểm chỉ được tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thì công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra các giấy tờ, nếu nhận thấy người yêu cầu chứng thực có đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP thì đề nghị người yêu cầu chứng thực ký/điểm chỉ vào giấy tờ cần chứng thực và chuyển cho người có thẩm quyền ký chứng thực. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | + Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng. + Giấy tờ, văn bản mà mình sẽyêu cầu chứng thực chữ ký. Trường hợp chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài, nếu người thực hiện chứng thực không hiểu rõ nội dung của giấy tờ, văn bản thì có quyền yêu cầu người yêu cầu chứng thực nộp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt nội dung của giấy tờ, văn bản đó (bản dịch không cần công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, người yêu cầu chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung của bản dịch). + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595289) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595289) | | Tại Phòng Tư pháp và UBND cấp xã: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản). | 10.000 đồng/trường hợp | | Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản | 10 USD/bản | | *Tại Tổ chức hành nghề công chứng: Phí chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản: 10 nghìn đồng/trường hợp (trường hợp hiểu là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).* | 10.000 đồng/trường hợp | |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện có thẩm quyền |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; Bộ phận một cửa UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Giấy tờ, văn bản được chứng thực chữ ký/điểm chỉ. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 257/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119201)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170)           [Thông tư 264/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119137) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Trường hợp không được chứng thực chữ ký:  + Tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực chữ ký không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.  + Người yêu cầu chứng thực chữ ký xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu không còn giá trị sử dụng hoặc giả mạo.  + Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu chứng thực ký vào có nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 22 của Nghị định này.  + Giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 24 của Nghị định này hoặc trường hợp pháp luật có quy định khác. |  |  |

**21. Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ.  + Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.  + Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.  + Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng.* Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch.  + Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.  + *Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.*  + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Tư pháp, UBND cấp xã |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại  iấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây: + Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Dự thảo hợp đồng, giao dịch sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực; + Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung có liên quan đến tài sản thì người yêu cầu chứng thực phải nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải  ăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595626) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595626) | | *30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch* |  | |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; Bộ phận một cửa UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Hợp đồng, giao dịch được chứng thực |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch. |  |  |

**22. Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ.  + Việc sửa lỗi sai sót trong khi ghi chép, đánh máy, in hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực được thực hiện theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, nếu không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các bên và được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch.  + Người thực hiện chứng thực gạch chân lỗi sai sót cần sửa, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào bên lề của hợp đồng, giao dịch nội dung đã sửa, họ tên, chữ ký của người sửa, ngày tháng năm sửa.  + Người yêu cầu chứng thực nhận kết quả tại nơi nộp hồ sơ. |
| **Cách thức thực hiện** | Lựa chọn một trong các cách thức:  - Nộp hồ sơ trực tiếp;  - Nộp hồ sơ trực tuyến qua địa chỉ https://dichvucong.hanoi.gov.vn |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  +*Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực*(xuất trình bản chính để đối chiếu);  *+ Văn bản thỏa thuận về việc sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực*  + Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595627) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595627) | | *25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch* | 25.000đồng/hợp đồng, giao dịch | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Thời hạn thực hiện yêu cầu chứng thực phải được bảo đảm ngay trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã/phường |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Hợp đồng, giao dịch được sửa lỗi kỹ thuật |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**23. Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch phải xuất trình các giấy tờ theo quy định.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ do người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch xuất trình.  + Cơ quan thực hiện chứng thực tiến hành chụp từ bản chính hợp đồng, giao dịch đang được lưu trữ và thực hiện chứng thực như sau:  \* Ghi đầy đủ lời chứng chứng thực chữ ký theo mẫu quy định;  \* Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực.  Đối với bản sao có từ 02 (hai) trang trở lên thì ghi lời chứng vào trang cuối, nếu bản sao có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.  Mỗi bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản hoặc nhiều bản sao được chứng thực từ một bản chính giấy tờ, văn bản trong cùng một thời điểm được ghi một số chứng thực. |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Tư pháp, UBND cấp xã |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực *Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng.* |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595628) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595628) | | 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.*Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính* | 2.000 đồng/trang | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, UBND cấp xã/phường |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện lưu trữ hợp đồng, giao dịch; Bộ phận một cửa UBND cấp xã lưu trữ hợp đồng, giao dịch |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Bản sao hợp đồng, giao dịch được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực còn đang lưu trữ tại Phòng Tư pháp. |

**24. Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia hợp đồng, giao dịch tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.  + Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch.*  *+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của hợp đồng, giao dịch. Trường hợp hợp đồng, giao dịch có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*  *+ Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang hợp đồng với tư cách là người phiên dịch.* |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  + Dự thảo hợp đồng, giao dịch;  + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595633) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595633) | | Phí | 50.000đồng/hợp đồng,giao dịch | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Hợp đồng, giao dịch được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**25. Thủ tục chứng thực di chúc**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực người lập di chúc tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.  + Người lập di chúc phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch.*  *+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với di chúc có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của di chúc. Trường hợp di chúc có  từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*  *+ Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của di chúc, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang di chúc với tư cách là người phiên dịch.* |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  + Dự thảo di chúc;  + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó; trừ trường hợp người lập di chúc đang bị cái chết đe dọa đến tính mạng (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595647) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595647) | | Phí | 50.000đồng/di chúc | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Di chúc được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**26. Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực người từ chối nhận di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực  + Người từ chối nhận di sản ký trước mặt người thực hiện chứng thực.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch.*  *+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản từ chối có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản từ chối nhận di sản. Trường hợp văn bản từ chối nhận di sản có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*  *+ Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản từ chối nhận di sản, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản từ chối nhận di sản với tư cách là người phiên dịch.* |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  + Dự thảo văn bản từ chối nhận di sản;  + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595648) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595648) | | Phí | 50.000đồng/văn bản | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Văn bản từ chối nhận di sản được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**27. Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.  + Các bên tham gia thỏa thuận phân chia di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch.*  *+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản thỏa thuận có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản thỏa thuận. Trường hợp văn bản thỏa thuận có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*  *+ Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản thỏa thuận nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản thỏa thuận với tư cách là người phiên dịch.* |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  + Dự thảo văn bản thỏa thuận phân chia di sản;  + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595635) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595635) | | Phí | 50.000đồng/văn bản | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực. |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**28. Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sửa dụng đất, nhà ở**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | + Người yêu cầu chứng thực nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực.  + Người thực hiện chứng thực kiểm tra giấy tờ trong hồ sơ yêu cầu chứng thực, nếu đầy đủ, tại thời điểm chứng thực các bên tham gia văn bản khai nhận di sản tự nguyện, minh mẫn và nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì thực hiện chứng thực.  + Các bên tham gia khai nhận di sản phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực.  + *Trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được thì phải điểm chỉ; nếu người đó không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được thì phải có 02 (hai) người làm chứng. Người làm chứng phải có đủ năng lực hành vi dân sự và không có quyền, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến giao dịch.*  *+ Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực. Đối với văn bản khai nhận có từ 02 (hai) trang trở lên, thì từng trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký của người yêu cầu chứng thực và người thực hiện chứng thực; số lượng trang và lời chứng được ghi tại trang cuối của văn bản khai nhận di sản. Trường hợp văn bản khai nhận có từ 02 (hai) tờ trở lên thì phải đóng dấu giáp lai.*  *+ Trường hợp phải phiên dịch thì người phiên dịch có trách nhiệm dịch đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản khai nhận di sản, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực và ký vào từng trang văn bản khai nhận với tư cách là người phiên dịch.* |
| **Cách thức thực hiện** | Nộp hồ sơ trực tiếp |
| **Thành phần hồ sơ** | Người yêu cầu chứng thực nộp 01 (một) bộ hồ sơ yêu cầu chứng thực, gồm các giấy tờ sau đây:  + Dự thảo văn bản khai nhận di sản;  + Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu);  + Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp văn bản khai nhận di sản liên quan đến tài sản đó (xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu). |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |
| **Mẫu đơn, mẫu tờ khai** |  |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595651) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595651) | | Phí | 50.000đồng/văn bản | |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |
| **Mức giá** | Không có thông tin |
| **Thời hạn giải quyết** | Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.*.* |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân - Tổ chức |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |
| **Kết quả thực hiện** | Văn bản khai nhận di sản được chứng thực |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 23/2015/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=52553)           [Thông tư 20/2015/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=96496)           [Thông tư 226/2016/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=119170) |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Không |

**29. Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước**

Trình tự thực hiện:

- Trường hợp công dân Việt Nam có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định của Luật Nuôi con nuôi nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi thì đăng ký nhu cầu nhận con nuôi với Sở Tư pháp nơi người đó thường trú. Nếu có trẻ em để giới thiệu làm con nuôi thì Sở Tư pháp giới thiệu đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đóng trụ sở cơ sở nuôi dưỡng để xem xét, giải quyết.  
- Người nhận con nuôi nộp hồ sơ của mình và của người được nhận làm con nuôi tại Ủy ban nhân dân cấp xã.  
+) Đối với trường hợp trẻ em mồ côi không có người nuôi dưỡng hoặc trẻ em có cha mẹ đẻ, người thân thích nhưng không có khả năng nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được nhận làm con nuôi thường trú;  
+) Đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người nhận con nuôi hoặc của người được nhận làm con nuôi;  
+) Đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi chưa chuyển vào cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi lập biên bản xác nhận tình trạng trẻ em bị bỏ rơi;  
+) Đối với trường hợp trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng được nhận làm con nuôi, nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng;  
- Công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra hồ sơ;  
Khi kiểm tra hồ sơ, công chức tư pháp hộ tịch phải nghiên cứu, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và hoàn cảnh của những người liên quan. Trường hợp người được nhận làm con nuôi có cha mẹ đẻ, thì công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra việc cha mẹ đẻ có thỏa thuận với cha mẹ nuôi để giữ lại quyền, nghĩa vụ đối với con và cách thức thực hiện quyền, nghĩa vụ đó sau khi đã cho làm con nuôi.  
- Công chức tư pháp – hộ tịch lấy ý kiến của những người có liên quan;  
Khi lấy ý kiến của những người liên quan, công chức tư pháp hộ tịch phải:  
i) Tư vấn để trẻ em tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của gia đình;  
ii) Tư vấn đầy đủ cho cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ về mục đích nuôi con nuôi; quyền và nghĩa vụ phát sinh giữa cha mẹ nuôi và con nuôi sau khi đăng ký nuôi con nuôi; về việc cha mẹ đẻ sẽ không còn các quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, cấp dưỡng, đại diện theo pháp luật, bồi thường thiệt hại, quản lý, định đoạt tài sản riêng đối với con đã cho làm con nuôi nếu cha mẹ đẻ và cha mẹ nuôi không có thỏa thuận khác;  
iii) Giải thích cho những người liên quan về quyền thay đổi ý kiến đồng ý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến đồng ý. Hết thời hạn này, những người liên quan không được thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi;  
- Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký nuôi con nuôi, trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho cha mẹ nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng, tổ chức giao nhận con nuôi và ghi vào Sổ đăng ký việc nuôi con nuôi;  
- Trường hợp từ chối đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản cho người nhận con nuôi, cha mẹ đẻ hoặc người giám hộ hoặc đại diện cơ sở nuôi dưỡng.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 30 Ngày | Lệ phí : 400.000 Đồng (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.) | Trong thời hạn 30 ngày, trong đó: - Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 15 ngày kể từ ngày được lấy ý kiến; - Thời gian cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước, Ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao - nhận con nuôi: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý. |

Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ của người nhận con nuôi:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Đơn xin nhận con nuôi trong nước. Trường hợp người nhận con nuôi có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận con nuôi theo quy định nhưng chưa tìm được trẻ em để nhận làm con nuôi: Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi. | Đơn xin con nuôi trong nước.doc Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở CSND.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Bản sao Hộ chiếu, Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ có giá trị thay thế; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Phiếu lý lịch tư pháp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân: |  | Bản chính: 0 Bản sao: 0 |
| + Trường hợp người nhận con nuôi là cặp vợ chồng nhận con nuôi: Giấy chứng nhận kết hôn. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| + Trường hợp người nhận con nuôi là người độc thân nhận con nuôi: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế do UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú cấp. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Hồ sơ của người được nhận làm con nuôi:

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| - Giấy khai sinh; |  | Bản chính: 0 Bản sao: 1 |
| - Giấy khám sức khỏe do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Hai ảnh toàn thân, nhìn thẳng chụp không quá 06 tháng; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Biên bản xác nhận do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi lập đối với trẻ em bị bỏ rơi; Giấy chứng tử của cha đẻ, mẹ đẻ hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của trẻ em là đã chết đối với trẻ em mồ côi; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất tích đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất tích; quyết định của Tòa án tuyên bố cha đẻ, mẹ đẻ của người được giới thiệu làm con nuôi mất năng lực hành vi dân sự đối với người được giới thiệu làm con nuôi mà cha đẻ, mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự; |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |
| - Quyết định tiếp nhận đối với trẻ em ở cơ sở nuôi dưỡng. |  | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước.

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 52/2010/QH12 | Luật 52/2010/QH12 | 17-06-2010 | Quốc Hội |
| 19/2011/NĐ-CP | Nghị định 19/2011/NĐ-CP | 21-03-2011 | Chính phủ |
| 114/2016/NĐ-CP | Nghị định 114/2016/NĐ-CP | 08-07-2016 | Chính phủ |
| 267/2016/TT-BTC | Thông tư 267/2016/TT-BTC | 14-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 24/2019/NĐ-CP | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi | 05-03-2019 | Thủ tướng Chính phủ |
| 10/2020/TT-BTP | Thông tư 10/2020/TT-BTP | 28-12-2020 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện sau: - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi; - Có tư cách đạo đức tốt. Các trường hợp không được nhận con nuôi - Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; - Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh; - Đang chấp hành hình phạt tù; - Chưa được xóa án tích về một trong các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp luật; mua bán, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em. Trẻ em được nhận làm con nuôi phải có đủ các điều kiện sau: + Là trẻ em dưới 16 tuổi; nếu trẻ em thuộc trường hợp được cha dượng, mẹ kế, cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi thì đến dưới 18 tuổi; +) Trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em không nơi nương tựa; +) Một người chỉ được làm con của một người độc thân hoặc của cả hai người là vợ chồng.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi

(kích cỡ 4x6 cm)

Ảnh chân dung của người nhận con nuôi

(kích cỡ 4x6 cm)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN NHẬN CON NUÔI TRONG NƯỚC**

Kính gửi:...................................................................[[3]](#footnote-3)

1. **Phần khai về người nhận con nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Quốc tịch |  |  |
| Giấy tờ tùy thân[[4]](#footnote-4) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |
| Điện thoại/email |  |  |

1. **Phần khai về người được nhận làm con nuôi**

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Nơi cư trú:

Số định danh cá nhân:

Thuộc đối tượng[[5]](#footnote-5):

🗆 Hiện đang sống tại gia đìnhcủa Ông/Bà:

Họ, chữ đệm, tên:

Nơi cư trú:

Điện thoại/email liên lạc:

🗆 Hiện đang sống tại Cơ sở nuôi dưỡng:

Tên/địa chỉ cơ sở nuôi dưỡng:

**3. Cam đoan**

Chúng tôi/tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, việc nhận con nuôi là tự nguyện, nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của con nuôi. Chúng tôi/tôi cam kết sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu như con đẻ của mình và thực hiện mọi nghĩa vụ của cha mẹ đối với con theo quy định của pháp luật. Chúng tôi/tôi cam kết trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày giao nhận con nuôi, định kỳ 06 tháng một lần, gửi báo cáo về tình hình phát triển của con nuôi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chúng tôi/tôi thường trú[[6]](#footnote-6).

Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

*Làm tại .................., ngày*............. *tháng* .............. *năm*...........

**ÔNG BÀ**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*   *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NHU CẦU NHẬN TRẺ EM SỐNG Ở CƠ SỞ NUÔI DƯỠNG LÀM CON NUÔI TRONG NƯỚC**[[7]](#footnote-7)

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh/thành phố[[8]](#footnote-8)........................................................................................

**I. Thông tin cơ bản về người đăng ký nhu cầu nhận con nuôi**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Ông** | **Bà** |
| Họ, chữ đệm, tên |  |  |
| Ngày, tháng, năm sinh |  |  |
| Giấy tờ tùy thân[[9]](#footnote-9) |  |  |
| Nơi cư trú |  |  |
| Điện thoại/email |  |  |

**II. Hoàn cảnh bản thân, gia đình, chỗ ở và điều kiện kinh tế của người đăng ký nhu cầu**

**1. Tình trạng hôn nhân và gia đình**

Chưa kết hôn Kết hôn Ly hôn Chồng/vợ đã chết

Chưa có con đẻ

Đã có con đẻ Đã có con nuôi

Nêu rõ số lượng con: …………….

Độ tuổi của con lớn nhất:…………..Độ tuổi của con nhỏ nhất:……………….

**2. Tiền án, tiền sự**

Không

Có (Ghi rõ đã bị kết án về tội gì…………………………………………....)

**3. Điều kiện chỗ ở**

Diện tích: …………………………………………………………………...

Nhà thuộc sở hữu Nhà thuê Nhà ở khác

Phòng dành riêng cho con nuôi:

Có

Không

**4. Nghề nghiệp, thu nhập**

**-** Nghề nghiệp(nêu rõ làm nghề gì):.............................................................................

- Thu nhập:

Tiền lương tháng (nêu số tiền:..............................................................)

Sản xuất, kinh doanh, hành nghề độc lập (nêu số tiền:...................................)

Phụ cấp, trợ cấp (nêu số tiền:........................................................................)

Các nguồn thu nhập khác...........................................(tài khoản tiết kiệm, cho thuê bất động sản, cho tặng của người thân, bản quyền…)

**III. Đặc điểm của trẻ em được nhận làm con nuôi**

*(Ghi đặc điểm của trẻ em mà người có nhu cầu nhận con nuôi mong muốn)*

Độ tuổi: ............................................................................................. Giới tính:..........................................................................

Đặc điểm khác (về sức khỏe, nơi cư trú):

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

Chúng tôi/tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật. Nếu được giới thiệu trẻ em cần được nhận làm con nuôi, chúng tôi/tôi sẽ thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Đề nghị Sở Tư pháp xem xét, giải quyết./.

*Làm tại.................., ngày .................tháng ........... năm.................*

**ÔNG BÀ**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên) (Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**IV. Xác nhận của người tiếp nhận đơn**

- Họ, chữ đệm, tên:

- Chức danh:

- Công tác tại:

Đã tiếp nhận Đơn đăng ký nhu cầu nhận trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi trong nước của Ông/Bà…………………………………………………………………….[[10]](#footnote-10)

*.................., ngày .................tháng ........... năm.................*

**CÁN BỘ TIẾP NHẬN**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên và chức danh)*

**30. Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước**

Trình tự thực hiện:

- Người có yêu cầu đăng ký lại việc nuôi con nuôi nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cha mẹ nuôi và con nuôi thường trú hoặc nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây;  
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký và cấp cho người yêu cầu đăng ký lại 01 bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Mục ghi chú của bản chính Giấy chứng nhận nuôi con nuôi và Sổ đăng ký nuôi con nuôi ghi rõ là đăng ký lại.

Cách thức thực hiện:

| Hình thức nộp | Thời hạn giải quyết | Phí, lệ phí | Mô tả |
| --- | --- | --- | --- |
| Trực tiếp | 5 Ngày làm việc |  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ |

Thành phần hồ sơ:

Bao gồm

| Tên giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | Số lượng |
| --- | --- | --- |
| Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi (Trường hợp yêu cầu đăng ký lại tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải là nơi trước đây đã đăng ký việc nuôi con nuôi, thì Tờ khai phải có cam kết của người yêu cầu đăng ký lại về tính trung thực của việc đăng ký nuôi con nuôi trước đó và có chữ ký của ít nhất hai người làm chứng). | Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi.doc | Bản chính: 1 Bản sao: 0 |

Đối tượng thực hiện:

Công dân Việt Nam

Cơ quan thực hiện:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Cơ quan có thẩm quyền:

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

Địa chỉ tiếp nhận HS:

Không có thông tin

Cơ quan được ủy quyền:

Không có thông tin

Cơ quan phối hợp:

Không có thông tin

Kết quả thực hiện:

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước.

Căn cứ pháp lý:

| Số ký hiệu | Trích yếu | Ngày ban hành | Cơ quan ban hành |
| --- | --- | --- | --- |
| 52/2010/QH12 | Luật 52/2010/QH12 | 17-06-2010 | Quốc Hội |
| 19/2011/NĐ-CP | Nghị định 19/2011/NĐ-CP | 21-03-2011 | Chính phủ |
| 114/2016/NĐ-CP | Nghị định 114/2016/NĐ-CP | 08-07-2016 | Chính phủ |
| 267/2016/TT-BTC | Thông tư 267/2016/TT-BTC | 14-11-2016 | Bộ Tài chính |
| 10/2020/TT-BTP | Thông tư 10/2020/TT-BTP | 28-12-2020 |  |

Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Sổ đăng ký nuôi con nuôi và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được; - Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

#### TỜ KHAI ĐĂNG KÝ LẠI VIỆC NUÔI CON NUÔI

Kính gửi[[11]](#footnote-11):...............................................................................

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân[[12]](#footnote-12):

Đề nghị đăng ký lại việc nuôi con nuôi cho người có tên dưới đây:

**Họ, chữ đệm, tên**: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân2:

Nơi cư trú:

Số định danh cá nhân:

**Là con nuôi của:**

**Họ, chữ đệm, tên cha nuôi:**

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân 2:

Nơi cư trú:

**Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi:**

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân2:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nuôi con nuôi tại[[13]](#footnote-13):

Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước/Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài số...................... ngày ........ tháng ....... năm.........

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và đã nộp đầy đủ các giấy tờ hiện có. Tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cam đoan của mình.

*Làm tại* *......................, ngày ............tháng............năm............*

**Người yêu cầu**

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

**Xác nhận của người làm chứng thứ hai**

Tôi tên là.........................................................sinh năm ...............

Giấy tờ tùy thân (2):......................................................................

................................................................................................................

Cư trú tại:......................................................................................

................................................................................................................

Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình.

*Làm tại:................., ngày..........tháng......... năm...........*

*(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)*

|  |
| --- |
| **Xác nhận của người làm chứng thứ nhất**  Tôi tên là.........................................................sinh năm ......................  Giấy tờ tùy thân(2): ............................................................................  ........................................................................................................................  Cư trú tại:................................................................................................  ........................................................................................................................  Tôi xin làm chứng việc nuôi con nuôi trên là  đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc  làm chứng của mình.  *Làm tại:................., ngày..........tháng......... năm...........*  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)* |

**31. Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **-** Tiếp nhận và xử lý hồ sơ;  - Thụ lý hồ sơ;  - Cử người giải quyết bồi thường;  - Tạm ứng kinh phí bồi thường thiệt hại;  - Xác minh thiệt hại;  - Thương lượng việc bồi thường;  - Ra quyết định giải quyết bồi thường (sau khi ra quyết định giải quyết bồi thường, cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại phải lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường đến cơ quan tài chính có thẩm quyền để đề nghị cấp kinh phí bồi thường và chi trả tiền bồi thường cho người yêu cầu bồi thường). |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Lựa chọn một trong các cách thức:  - Nộp hồ sơ trực tiếp;  - Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | a. Trường hợp người bị thiệt hại trực tiếp yêu cầu bồi thường thì hồ sơ yêu cầu bồi thường (sau đây gọi là hồ sơ) bao gồm: Văn bản yêu cầu bồi thường; Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có  văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại; Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có). |  | 01 | | 2 | b. Trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại thì ngoài các tài liệu quy định tại các điểm a, b và d khoản 1 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017, hồ sơ còn phải có các tài liệu sau đây: Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền; Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế. Trường hợp người yêu cầu bồi thường trực tiếp nộp hồ sơ thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao nhưng phải có bản chính để đối chiếu; trường hợp người yêu cầu bồi thường gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính thì các giấy tờ, tài liệu và chứng cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật TNBTCNN năm 2017 là bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luậ   về chứng thực. |  | 01 | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | - 36 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp;  - 56 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp phức tạp;  - 61 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp cần gia hạn;  - 81 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ trực tiếp phức tạp, cần gia hạn.  - 40 ngày đối với vụ việc nộp hồ sơ qua đường bưu điện;  - 60 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện phức tạp;  - 65 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện cần gia hạn;  - 85 ngày đối với vụ việc nhận qua đường bưu điện phức tạp, cần gia hạn.  (Thời hạn giải quyết hồ sơ chưa bao gồm thời gian bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017 hoặc trường hợp, người yêu cầu bồi thường đề nghị tạm ứng kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 41 của Luật TNBTCNN năm 2017)  (Khoảng thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ) |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | Người yêu cầu bồi thường theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật TNBTCNN năm 2017. |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 33 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp xã |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Bộ phận một cửa UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định giải quyết bồi thường. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 10/2017/QH14](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=122863)           [Nghị định 68/2018/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=128895)           [Thông tư 04/2018/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=128974) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | - Có một trong các căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại và yêu cầu bồi thường tương ứng quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật TNBTCNN năm 2017;  - Có thiệt hại thực tế của người bị thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy định của Luật TNBTCNN năm 2017;  - Có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại thực tế và hành vi gây thiệt hại. |  |  |

**32. Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Định kỳ tháng 9 hàng năm, công chức tư pháp - hộ tịch chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã thông báo công khai tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật; các quy định về công nhận tuyên truyền viên pháp luật tới cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn cơ sở để tự nguyện đăng ký tham gia làm tuyên truyền viên pháp luật.  Căn cứ danh sách tự nguyện đăng ký tham gia làm tuyên truyền viên pháp luật từ địa bàn cơ sở, thực trạng đội ngũ công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã và nhu cầu xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch rà soát, lập danh sách người đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, công nhận tuyên truyền viên pháp luật. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Không quy định. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | Danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân, tổ chức |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 14/2012/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27698)           [Nghị định 28/2013/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=30423)           [Thông tư 10/2016/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=112437) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Cá nhân được đề nghị công nhận làm tuyên truyền viên pháp luật phải là người có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật . |  |  |

**33. Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Khi tuyên truyền viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật theo quy định, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | Không quy định. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | Không quy định. |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức tư pháp – hộ tịch |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Tổ chức - cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND xã, thị trấn |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Không có thông tin |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 14/2012/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27698)           [Nghị định 28/2013/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=30423)           [Thông tư 10/2016/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=112437) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Việc cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được thực hiện khi tuyên truyền viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp sau đây:  + Tự nguyện xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;  + Thực hiện một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;  + Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;  + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự. |  |  |

**34. Thủ tục công nhận hòa giải viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | - Trường hợp kết quả bầu hòa giải viên đáp ứng yêu cầu quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 8 của Luật hòa giải ở cơ sở, Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách người được đề nghị công nhận hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;  - Trường hợp số người được đề nghị công nhận là hòa giải viên lấy theo kết quả bỏ phiếu từ cao xuống thấp nhiều hơn số lượng hòa giải viên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thì Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận, trong đó bao gồm những người có số phiếu bằng nhau gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Trưởng ban công tác Mặt trận lập danh sách những người được đề nghị công nhận gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | - Danh sách người được đề nghị công nhận là hòa giải viên (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN) . - Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết bầu hòa giải viên (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín; Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN trong trường hợp bầu hòa giải viên bằng hình thức phát phiếu bầu đến hộ gia đình). |          [Mẫu số 06.doc](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Lists/ThanhPhanHoSo/Attachments/257332/M%E1%BA%ABu%20s%E1%BB%91%2006.doc) |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ hồ sơ. |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định công nhận hòa giải viên. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 35/2013/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32515)           [Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=37906) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Người được đề nghị công nhận là hòa giải viên phải đạt trên 50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý. |  |  |

**35. Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức cuộc họp bầu tổ trưởng tổ hòa giải, Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải kèm theo biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Trưởng ban công tác Mặt trận làm văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | - Văn bản đề nghị công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN). - Biên bản kiểm phiếu hoặc biên bản về kết quả biểu quyết về việc bầu tổ trưởng tổ hòa giải (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức biểu quyết công khai; Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN trong trường hợp bầu tổ trưởng tổ hòa giải viên bằng hình thức bỏ phiếu kín). |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ hồ sơ |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định công nhận tổ trưởng tổ hòa giải. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 35/2013/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32515)           [Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=37906) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Người được công nhận là tổ trưởng tổ hòa giải phải đạt trên 50% số hòa giải viên của tổ hòa giải đồng ý và là người có số phiếu bầu cao nhất. |  |  |

**36. Thủ tục thôi làm hòa giải viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của tổ trưởng Tổ hòa giải về việc thôi làm hòa giải viên, Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng dân phố xem xét, xác minh, làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.  Đối với trường hợp thôi làm hòa giải viên theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 11 của Luật hòa giải ở cơ sở, nếu Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải, thì Trưởng ban công tác Mặt trận thông báo với tổ trưởng tổ hòa giải, nêu rõ lý do không đồng ý, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.  Trường hợp thôi làm hòa giải viên đối với tổ trưởng tổ hòa giải thì Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên.  Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thôi làm hòa giải viên. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | Văn bản đề nghị ra quyết định thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN)/ Báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTƯMTTQVN) trong trường hợp Trưởng ban công tác Mặt trận, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố không đồng ý với đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận và trưởng thôn,  ổ trưởng tổ dân phố không thống nhất được với nhau về đề nghị của tổ trưởng tổ hòa giải |          [Mẫu số 08.doc](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Lists/ThanhPhanHoSo/Attachments/257334/M%E1%BA%ABu%20s%E1%BB%91%2008.doc)           [Mẫu số 09.docx](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Lists/ThanhPhanHoSo/Attachments/257334/M%E1%BA%ABu%20s%E1%BB%91%2009.docx) |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ hồ sơ. |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định thôi làm hòa giải viên. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 35/2013/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32515)           [Nghị quyết liên tịch 01/2014/NQLT/CP-UBTƯMTTQVN](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=37906) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Việc thôi làm hòa giải viên được thực hiện trong các trường hợp sau đây:  - Theo nguyện vọng của hòa giải viên;  - Hòa giải viên không còn đáp ứng một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 của Luật hòa giải ở cơ sở;  - Vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 4 của Luật hòa giải ở cơ sở hoặc không có điều kiện tiếp tục làm hòa giải viên do bị xử lý vi phạm pháp luật. |  |  |

**37. Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | - Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên thông qua tổ hòa giải; trường hợp quyết định không thanh toán cho hòa giải viên thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | Tổ trưởng tổ hòa giải lập hồ sơ đề nghị thanh toán thù lao cho hòa giải viên, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định và trả thù lao cho hòa giải viên |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | TT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | Giấy đề nghị thanh toán thù lao của hòa giải viên có ghi rõ họ, tên, địa chỉ của hòa giải viên; tên, địa chỉ tổ hòa giải; số tiền đề nghị thanh toán; nội dung thanh toán (có danh sách các vụ, việc trong trường hợp đề nghị thanh toán thù lao cho nhiều  ụ, việc); chữ ký của hòa giải viên; chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải. Xuất trình Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở để đối chiếu khi cần thiết. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ hồ sơ |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định thanh toán thù lao cho hòa giải viên/ hoặc văn bản trả lời trong trường hợp quyết định không thanh toán. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 35/2013/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32515)           [Nghị định 15/2014/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=33553) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Điều kiện được hưởng thù lao theo vụ, việc của hòa giải viên:  - Vụ, việc được tiến hành hòa giải và đã kết thúc trong trường hợp:  + Các bên đạt được thỏa thuận;  + Một bên hoặc các bên yêu cầu chấm dứt hòa giải;  + Hòa giải viên quyết định kết thúc hòa giải khi các bên không thể đạt được thỏa thuận và việc tiếp tục hòa giải cũng không thể đạt được kết quả.  - Hòa giải viên không vi phạm nghĩa vụ sau:  + Thực hiện hòa giải khi có căn cứ theo quy định tại Điều 16 của Luật hòa giải ở cơ sở.  + Tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Luật hòa giải ở cơ sở.  + Từ chối tiến hành hòa giải nếu bản thân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ, việc hòa giải hoặc vì lý do khác dẫn đến không thể bảo đảm khách quan, công bằng trong hòa giải.  + Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa trong trường hợp thấy mâu thuẫn, tranh chấp nghiêm trọng có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của các bên hoặc gây mất trật tự công cộng.  + Thông báo kịp thời cho tổ trưởng tổ hòa giải để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý trong trường hợp phát hiện mâu thuẫn, tranh chấp có dấu hiệu vi phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc pháp luật về hình sự. |  |  |

**38. Liên thông thủ tục hành chính về Đăng ký khai sinh - Đăng ký thường trú - cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Công dân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận Một cửa) - UBND cấp xã.  **Bước 2:** Cán bộ 1 cửa kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc tiếp nhận đối với hồ sơ đảm bảo yêu cầu theo quy định; ghi giấy hẹn cho công dân.  - Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.  **Bước 3:** Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ tới cơ quan chuyên môn theo quy định.  Cụ thể:  - Chuyển hồ sơ tới cán bộ Tư pháp - Hộ tịch thực hiện việc cấp đăng ký khai sinh;  - Sau khi nhận kết quả đăng ký khai sinh từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch (01 bản chính và 02 bản sao Giấy khai sinh), cán bộ Một cửa lập hồ sơ đăng ký thường trú và hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế chuyển Công an cấp huyện (qua cơ quan Công an cấp xã) và Bảo hiểm xã hội cấp huyện.  **Bước 4:**  - Công an cấp huyện tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ do UBND cấp xã chuyển tới (qua công an cấp xã); thực hiện việc đăng ký thường trú và chuyển kết quả tới UBND cấp xã theo thời gian quy định.  - Bảo hiểm xã hội cấp huyện tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ do UBND cấp xã chuyển tới; thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế và chuyển kết quả cho UBND cấp xã trong thời gian quy định.  - Trường hợp cơ quan Công an hoặc Bảo hiểm xã hội có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì cần thông báo tới UBND cấp xã để kịp thời thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  **Bước 5:** Sau khi nhận kết quả từ Công an cấp huyện và BHXH cấp huyên, bộ phận Một cửa tiếp nhận, vào sổ và chuyển trả kết quả cho công dân theo thời gian quy định (Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và thẻ bảo hiểm y tế).  **Chú ý:**  - Trường hợp công dân có yêu cầu thực hiện nhận kết quả từng loại thủ tục trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết (nhận Giấy khai sinh tại UBND cấp xã; nhận Thẻ bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội cấp huyện ; nhận Sổ hộ khẩu tại Công an cấp huyện) thì khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã phải yêu cầu cụ thể để ghi vào Phiếu hẹn.  - Trường hợp công dân yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu điện (nếu có) thì khi nộp hồ sơ công dân đăng ký tại Bộ phận Một cửa và nhận kết quả tại nhà theo yêu cầu. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | **Cách 1:** Người yêu cầu nộp hồ sơ liên thông trực tiếp tại bộ phận Một cửa - UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú của cha /mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.  **Cách 2:** Trường hợp người có yêu cầu thực hiện liên thông không trực tiếp nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ thay tại bộ phận Một cửa - UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú của cha /mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.  - Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; phạm vi uỷ quyền có thể gồm toàn bộ công việc theo trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả đăng ký hộ tịch.  - Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người uỷ quyền.  **Chú ý:** Công dân có thể lựa chọn việc thực hiện các thủ tục này theo hình thức liên thông hoặc thực hiện từng thủ tục riêng lẻ. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | 1. Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu); |  | 1 | | 2 | 2. Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; - Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. - Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật  hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. |  | 1 | | 3 | 3. Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu (theo mẫu quy định) |  | 1 | | 4 | 4. Sổ hộ khẩu của cha, mẹ (bản chính). - Trường hợp trẻ đăng ký thường trú theo mẹ thì nộp Sổ hộ khẩu của mẹ (bản chính); - Trường hợp trẻ đăng ký thường trú theo cha thì nộp Sổ hộ khẩu của cha (bản chính); - Trường hợp trẻ bị bỏ rơi hoặc trẻ không còn cha, mẹ mà đăng ký thường trú theo người nuôi dưỡng thì nộp Sổ hộ khẩu của người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (bản chính). - Trường hợp trẻ em đăng ký thường trú khác với nơi đăng ký thường trú của cha, mẹ, thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ trẻ (bằng văn bản); Sổ hộ khẩu (bản chính) của nơi trẻ đăng ký thường trú đến; Các tài liệu chứng minh cha, mẹ trẻ không có khả năng nuôi dưỡng và các tài liệu chứng minh mối quan hệ ông, bà nội; ông, bà ngoại; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, cậu, bác ruột. - Trên cơ sở danh sách của cơ quan Bảo hiểm xã hội, người yêu cầu thực hiện thủ tục lựa chọn nơi khám chữa bệnh ban đầu cho trẻ em, thông báo tới cán bộ một cửa  ể tiếp nhận yêu cầu của người dân về việc lựa chọn nơi khám chữa bệnh ban đầu ghi nhận lên Tờ khai đăng ký khai sinh; Danh sách người tham gia BHYT theo (Mẫu D03-TS). |  | 1 | | 5 | 5. Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiệ   việc đăng ký khai sinh. |  | 1 | | 6 | B. GIẤY TỜ PHẢI XUẤT TRÌNH 1. Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh; 2. Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc chưa được xây dựng xong và thực hiện thống nhất trên toàn quốc). C. CHÚ Ý - Đối với hồ sơ đăng ký thường trú: tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể mà cơ quan Công an cấp huyện có hướng dẫn về thành phần hồ sơ phù hợp với quy định của pháp luật về đăng ký thường trú. - Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ, công chức Một cửa sẽ phân loại và chuyển các giấy tờ cần thiết tới các cơ quan thực hiện thủ tục trong quá trình liên thông Cụ thể: 1. Hồ sơ đăng ký khai sinh chuyển cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã gồm: giấy tờ số 1 và số 2 trong thành phần hồ sơ giấy tờ phải nộp. 2. Hồ sơ đăng ký thường trú (thực hiện sau khi nhận được Giấy khai sinh và 02 bản sao Giấy khai sinh từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã) gồm: Bản sao giấy khai sinh; giấy tờ số 3 và 4 trong thành phần hồ sơ giấy tờ phải nộp. 3. Hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế (thực hiện sau khi nhận được Giấy khai sinh và 01 bản sao Giấy khai sinh từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã) gồm: file đính kèm do UBND cấp xã gửi bằng giao dịch điện tử qua đường mạng internet (chuyển trước); Bản sao Giấy khai sinh  à Danh sách người tham gia BHYT theo (Mẫu D03-TS) chuyển sau. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595338) | [**Mức lệ phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595338) | | Cấp Giấy khai sinh và Thẻ bảo hiểm y tế. | Miễn lệ phí | | - Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch:  **\***Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch là Phí cấp bản sao Trích lục hộ tịch  (Theo Nghị Quyết 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội) | 8.000 đồng/bản sao trích lục/ s   kiện hộ tịch đã đăng ký | | Lệ phí đăng ký thường trú lần đầu. | Miễn lệ phí | | Những trường hợp đăng ký thường trú còn lại | thu lệ phí theo quy định hiện hành. | | **Những trường hợp miễn hoặc không thu lệ phí:**  - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật;  - Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại UBND cấp xã. | Miễn lệ phí | |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | **1. Thời hạn thực hiện tổng thể**  - Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với thủ tục liên thông về đăng ký khai sinh; đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi.  - Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định đối với việc thực hiện liên thông các thủ tục về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế trong trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em mới sinh từ 01 đến 60 ngày tuổi mà có bố, mẹ cùng hộ khẩu.  - Trường hợp hồ sơ hoặc thông tin không đảm bảo theo quy định, Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu cơ quan Công an hoặc Bảo hiểm y tế thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.  - Trường hợp trụ sở UBND cấp xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc Công dân cấp huyện từ 50 lần trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa có kết nối internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.  **2. Thời hạn cụ thể của từng thủ tục trong quá trình thực hiện liên thông tại các đơn vị:**  - Thời hạn giải quyết thủ tục khai sinh của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã:  + Giải quyết ngay trong ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.  - Thời hạn lập hồ sơ chuyển cơ quan công an cấp huyện và Bảo hiểm y tế cấp huyện của cán bộ, công chức 1 cửa: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đăng ký khai sinh (01 bản chính và 02 bản sao Giấy khai sinh) từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch.  - Thời hạn giải quyết đăng ký thường trú cho trẻ của cơ quan Công an cấp huyện:  + 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến.  + 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do UBND cấp xã chuyển đến đối với trường hợp đăng ký thường trú cho trẻ em mới sinh từ 01 đến 60 ngày tuổi mà có bố, mẹ cùng hộ khẩu.  + Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo thì ngay sau khi tiếp nhận, cơ quan Công an thông báo cho UBND cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ theo quy định và gửi lại Cơ quan Công an.  + Trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì thực hiện việc thông báo trong ngày làm việc tiếp theo.  - Thời hạn giải quyết cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ của cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện:  + Giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận thông tin do UBND cấp xã chuyển đến đối với những trường hợp cá biệt (trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo ).  Nếu tiếp nhận sau 15h thì trả kết quả vào ngày làm việc tiếp theo.  + 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc thông tin qua mạng điện tử do UBND cấp xã chuyển đến.  + Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo thì ngay sau khi tiếp nhận, cơ quan Bảo hiểm thông báo cho UBND cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ theo quy định và gửi lại Cơ quan Bảo hiểm.  + Trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì thực hiện việc thông báo trong ngày làm việc tiếp theo.  **Chú ý:** Tùy thuộc vào tình hình thực tế của địa phương, các đơn vị có thể điều chỉnh thời gian thực hiện các TTHC cho phù hợp nhưng không được vượt quá thời hạn tối đa theo quy định của pháp luật. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | Người có yêu cầu thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi tại UBND cấp xã nơi trẻ có cha, mẹ hoặc người nuôi dưỡng đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hà Nội, - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Công an huyện, Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan công an đăng ký thường trú |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | 1. Giấy khai sinh (Bản chính và bản sao theo số lượng yêu cầu). 2. Sổ hộ khẩu đã đăng ký thường trú cho trẻ em. 3. Thẻ bảo hiểm y tế của trẻ. CHÚ Ý: - Công dân có thể yêu cầu nhận kết quả từng loại thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền (yêu cầu cụ thể khi thực hiện việc nộp hồ sơ) - Công dân có thể yêu cầu nhận kết quả đăng ký khai sinh ngay trong ngày nộp hồ sơ (nếu nộp sau 15 giờ thì nhận kết quả trong ngày làm việc tiếp theo) tại bộ phận Một cửa - UBND cấp xã và các kết quả còn lại sau thời gian quy định. - Công dân có thể nhận kết quả qua dịch vụ chuyển phát kết quả qua đường bưu điện (nếu có và đăng ký khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã và trả phí theo quy định của cơ quan Bưu điện) |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Luật 81/2006/QH11](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=14834)           [Thông tư 08.a/2010/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25267)           [Nghị định 06/2012/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27159)           [Thông tư 09b/2013/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=30642)           [Luật 36/2013/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=32514)           [Thông tư 02/2014/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=33597)           [Nghị định 31/2014/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=34848)           [Luật 46/2014/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=36793)           [Thông tư 36/2014/TT-BCA](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=37650)           [Nghị định 105/2014/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=38018)           [Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=67295)           [Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=133882) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | **-** Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.  - Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện liên thông các thủ tục hành chính phải cùng thuộc địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh của tỉnh hoặc cùng thuộc địa bàn một quận, huyện, thị xã của thành phố trực thuộc trung ương. |  |  |

**39. Liên thông các thủ tục hành chính về Đăng ký khai sinh - Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1:** Công dân nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính (Bộ phận Một cửa) - UBND cấp xã.  **Bước 2:** Cán bộ Một cửa kiểm tra hồ sơ và thực hiện việc tiếp nhận đối với hồ sơ đảm bảo yêu cầu theo quy định; ghi giấy hẹn cho công dân.  - Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo theo quy định thì hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định.  **Bước 3:** Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ tới cơ quan chuyên môn theo quy định.  Cụ thể:  - Chuyển hồ sơ tới cán bộ Tư pháp - Hộ tịch thực hiện việc cấp đăng ký khai sinh ;  - Sau khi nhận kết quả đăng ký khai sinh từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch (01 bản chính và 01 bản sao Giấy khai sinh), cán bộ Một cửa lập hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế chuyển Bảo hiểm xã hội cấp huyện.  **Bước 4:**  - Bảo hiểm xã hội cấp huyện tiếp nhận hồ sơ, file đính kèm do UBND cấp xã gửi bằng giao dịch điện tử qua đường mạng internet; kiểm tra nếu đúng thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế và thông báo đã nhận hồ sơ đăng ký cấp thẻ BHYT và biên bản tiếp nhận hồ sơ lại cho UBND cấp xã, sau khi hồ sơ giải quyết xong cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo kết quả và giấy tờ kèm theo gửi UBND cấp xã.  - Trường hợp cơ quan Bảo hiểm xã hội có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì cần thông báo tới UBND cấp xã để kịp thời thực hiện việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định.  **Bước 5:** Sau khi nhận kết quả từ BHXH cấp huyện, bộ phận Một cửa tiếp nhận, vào sổ và chuyển trả kết quả cho công dân theo thời gian quy định (Giấy khai sinh và thẻ bảo hiểm y tế).  **Chú ý:**  Trường hợp công dân có yêu cầu thực hiện nhận kết quả từng loại thủ tục trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền giải quyết (nhận Giấy khai sinh tại UBND cấp xã; nhận Thẻ bảo hiểm y tế tại Bảo hiểm xã hội cấp huyện) thì khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã phải yêu cầu cụ thể để ghi vào Phiếu hẹn.  Trường hợp công dân yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu điện thì khi nộp hồ sơ công dân đăng ký tại Bộ phận Một cửa và nhận kết quả tại nhà theo yêu cầu. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | **Cách 1:** Người yêu cầu nộp hồ sơ liên thông trực tiếp tại bộ phận Một cửa - UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú của cha /mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.  **Cách 2:** Trường hợp người có yêu cầu thực hiện liên thông không trực tiếp nộp hồ sơ thì có thể ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ thay tại bộ phận Một cửa - UBND cấp xã nơi đăng ký thường trú của cha /mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ.  - Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; phạm vi uỷ quyền có thể gồm toàn bộ công việc theo trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả đăng ký hộ tịch.  - Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải công chứng, chứng thực, nhưng phải có giấy tờ chứng minh mối quan hệ với người uỷ quyền.  **Chú ý:** Công dân có thể lựa chọn việc thực hiện các thủ tục này theo hình thức liên thông hoặc thực hiện từng thủ tục riêng lẻ. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | 1. Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu); |  | 1 | | 2 | 2. Bản chính Giấy chứng sinh; trường hợp không có Giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; - Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi thì phải có biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi do cơ quan có thẩm quyền lập. - Trường hợp khai sin   cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. |  | 1 | | 3 | 3. Tiếp nhận yêu cầu của người dân về việc lựa chọn nơi khám chữa bệnh ban đầu ghi nhận lên Tờ khai đăng ký khai  sinh; Danh sách người tham gia BHYT theo (Mẫu D03-TS). |  | 1 | | 4 | 4. Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh. |  | 1 | | 5 | B. GIẤY TỜ PHẢI XUẤT TRÌNH 1. Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh; 2. Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn (trong giai đoạn Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc chưa được xây dựng xong và thực hiện thống nhất trên toàn quốc). 3. Bản sao chứng thực hoặc bản photo (có kèm theo bản chính để đối chiếu) Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú của cha, mẹ, người nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ (trường hợp trẻ đăng ký khai sinh theo nơi tạm trú của cha mẹ hoặc của cha hoặc của mẹ hoặc của người nuôi dưỡng, chăm sóc). CHÚ Ý - Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cán bộ, công chức Một cửa sẽ phân loại và chuyển các giấy tờ cần thiết tới các cơ quan thực hiện thủ tục trong quá trình liên thông Cụ thể: 1. Hồ sơ đăng ký khai sinh chuyển cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã gồm: giấy tờ số 1 và số 2 trong thành phần hồ sơ giấy tờ phải nộp. 2. Hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế (thực hiện sau khi nhận được Giấy khai sinh và 01 bản sao Giấy khai sinh từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã) gồm: file đính kèm do UBND cấp xã gửi bằng giao dịch điện tử qua đường mạng internet (chuyển trước); Bản sao Giấy khai sinh và Danh  sách người tham gia BHYT theo (Mẫu D03-TS) chuyển sau. |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 |  | |
| **Phí** | |  |  | | --- | --- | | [**Mô tả**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595339) | [**Mức phí**](http://csdl.thutuchanhchinh.vn/tw/Pages/chi-tiet-thu-tuc-hanh-chinh.aspx?tthcDonVi=H%C3%A0%20N%E1%BB%99i&ItemID=595339) | | **1. Mức thu lệ phí:** | - Miễn lệ phí đối với việc cấp Giấy khai sinh và Thẻ bảo hiểm y tế. - Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch: 8.000 đồng/bản sao trích lục/ sự kiện hộ tịch đã đăng ký \* Phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch là Phí cấp bản sao Trích lục hộ tịch (Theo Nghị Quyết 20/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội) - Miễ   lệ phí đăng ký thường trú lần đầu. - Những trường hợp đăng ký thường trú còn lại thu lệ phí theo quy định hiện hành. | | **2. Những trường hợp miễn hoặc không thu lệ phí:** | - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại UBND cấp xã. | |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | **1. Thời hạn thực hiện tổng thể**  - Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.  - Trường hợp hồ sơ hoặc thông tin không đảm bảo theo quy định, Bộ phận 1 cửa của UBND cấp xã phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc.  - Trường hợp trụ sở UBND cấp xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa có kết nối internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc.  2. Thời hạn cụ thể của từng thủ tục trong quá trình thực hiện liên thông tại các đơn vị:  - Thời hạn giải quyết thủ tục khai sinh của công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã:  + Giải quyết ngay trong ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ.  + Trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.  - Thời hạn lập hồ sơ chuyển cơ quan công an cấp huyện và Bảo hiểm xã hội cấp huyện của cán bộ, công chức 1 cửa: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đăng ký khai sinh (01 bản chính và 02 bản sao Giấy khai sinh) từ cán bộ Tư pháp - Hộ tịch.  - Thời hạn giải quyết cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ của cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện:  + Giải quyết ngay trong ngày tiếp nhận thông tin do UBND cấp xã chuyển đến đối với những trường hợp cá biệt (trẻ em bị bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo ).  Nếu tiếp nhận sau 15h thì trả kết quả vào ngày làm việc tiếp theo.  + 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc thông tin qua mạng điện tử do UBND cấp xã chuyển đến.  + Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo thì ngay sau khi tiếp nhận, cơ quan Bảo hiểm xã hội thông báo cho UBND cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ theo quy định và gửi lại Cơ quan Bảo hiểm xã hội.  + Trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì thực hiện việc thông báo trong ngày làm việc tiếp theo. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Bảo hiểm xã hội cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | UBND cấp xã |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | 1. Giấy khai sinh (Bản chính và bản sao theo số lượng yêu cầu). 2. Thẻ bảo hiểm y tế của trẻ. CHÚ Ý: - Công dân có thể yêu cầu nhận kết quả từng loại thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền (yêu cầu cụ thể khi thực hiện việc nộp hồ sơ) - Công dân có thể yêu cầu nhận kết quả đăng ký khai sinh ngay trong ngày nộp hồ sơ (nếu nộp sau 15 giờ thì nhận kết quả trong ngày làm việc tiếp theo) tại bộ phận 1 cửa - UBND cấp xã và các kết quả còn lại sau thời gian quy định. - Công dân có thể nhận kết quả qua dịch vụ chuyển phát kết quả qua đường bưu điện (đăng ký khi nộp hồ sơ tại UBND cấp xã và trả phí theo quy định của cơ quan Bưu điện) |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |          [Nghị định 158/2005/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=16858)           [Thông tư 08.a/2010/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=25267)           [Nghị định 06/2012/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=27159)           [Thông tư 09b/2013/TT-BTP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=30642)           [Thông tư 02/2014/TT-BTC](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=33597)           [Luật 46/2014/QH13](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=36793)           [Nghị định 105/2014/NĐ-CP](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=38018)           [Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=67295)           [Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND](http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=133882) |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | **-** Việc đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.  - Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện liên thông các thủ tục hành chính phải cùng thuộc địa bàn một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc cùng thuộc địa bàn một quận, huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương. |  |  |

**40. Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | - Trong trường hợp hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên.  - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định công nhận hòa giải viên xem xét, có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe trong khi thực hiện hoạt động hòa giải.  - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định hỗ trợ; trường hợp không hỗ trợ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  - Chậm nhất sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc chi tiền hỗ trợ. |  | |
| **Cách thức thực hiện** | - Hồ sơ nộp trực tiếp.  - Nộp qua đường bưu điện. |  | |
| **Thành phần hồ sơ** | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Loại giấy tờ | Mẫu đơn, tờ khai | **Số lượng** | | 1 | - Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ; - Biên bản xác nhận tình trạng của hòa giải viên bị tai nạn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn hoặc cơ quan công an nơi xảy ra tai nạn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp); - Giấy ra viện, hóa đơn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp); - Văn bản, giấy tờ hợp lệ về thu nhập thực tế theo tiền lương, tiền công hằng tháng của người bị tai nạn có xác nhận của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút (bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp), bao gồm: Hợp đồng lao động, quyết định nâng lương của tổ chức hoặc cá nhân sử dụng lao động hoặc bản kê có thu nhập thực tế của hòa giải viên bị tai nạn và các giấy tờ chứng minh thu nhập thực tế hợp pháp khác (nếu có); - Giấy chứng tử (trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng; bản chính hoặc bản sao có chứng thực trong trường hợp gửi qua đường bưu điện; bản phô tô và bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp trực tiếp). |  |  | |  | |
| **Số bộ hồ sơ** | 01 bộ hồ sơ |  | |
| **Phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Lệ phí** | Không có thông tin |  |  |
| **Mức giá** | Không có thông tin |  |  |
| **Thời hạn giải quyết** | - Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  - Thời hạn Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;  - Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện. |  |  |
| **Đối tượng thực hiện** | - Cá nhân |  |  |
| **Cơ quan thực hiện** | UBND cấp xã/phường |  |  |
| **Cơ quan có thẩm quyền quyết định** | Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện |  |  |
| **Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan được ủy quyền** | Không có thông tin |  |  |
| **Cơ quan phối hợp** | Không có thông tin |  |  |
| **Kết quả thực hiện** | Quyết định hỗ trợ/ Văn bản trả lời trong trường hợp không hỗ trợ. |  |  |
| **Căn cứ pháp lý của TTHC** |  |  |  |
| **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC** | Hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở |  |  |

1. Đề nghị cấp bản sao (6): Có  Không 

   Số lượng:……….bản [↑](#footnote-ref-1)
2. Đề nghị cấp bản sao (6): Có  Không 

   Số lượng:……….bản [↑](#footnote-ref-2)
3. Trường hợp người nhận con nuôi thường trú trong nước, thì ghi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì ghi Cơ quan đại diện Việt Nam nơi có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi. Đối với người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi thì ghi rõ Sở Tư pháp nơi đăng ký việc nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ghi rõ đối tượng: trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ/trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác/con riêng/cháu ruột. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trường hợp người nhận con nuôi và người được nhận làm con nuôi tạm trú ở nước ngoài, thì gửi Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

   Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020, người không thực hiện nghĩa vụ thông báo tình hình phát triển của con nuôi trong nước sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000đồng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Áp dụng đối với trường hợp công dân Việt Nam thường trú ở Việt Nam có nguyện vọng và đủ điều kiện nhận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hiện đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi. [↑](#footnote-ref-7)
8. Ghi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nơi đăng ký thường trú. [↑](#footnote-ref-8)
9. Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó. Ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014. [↑](#footnote-ref-9)
10. Người tiếp nhận có thể giao bản sao Đơn đăng ký nhu cầu cho người đăng ký (nếu có yêu cầu). [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi rõ tên cơ quan thực hiện đăng ký lại việc nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-11)
12. Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, cơ quan cấp, ngày cấp giấy tờ đó (ví dụ: chứng minh nhân dân số 00108912345 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2014). [↑](#footnote-ref-12)
13. Ghi tên Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước; ghi tên Sở Tư pháp nơi đã đăng ký việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. [↑](#footnote-ref-13)